

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Thanh.
- Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; Trú tại: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đặng Văn B, sinh năm 1989; Trú tại: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh B vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Đặng Văn B vào ngày 28/12/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, anh B không quan tâm đến gia đình, không chịu làm ăn và còn sa vào tệ nạn xã hội nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ tháng 8/2022 vợ chồng đã

sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Minh N, sinh ngày 16/10/2014, hiện nay con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện UBND xã T cung cấp như sau: Anh Đặng Văn B và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 28/12/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng anh B có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Về con chung: Vợ chồng anh B có 01 con chung là Đặng Minh N, sinh ngày 16/10/2014, hiện nay con chung đang ở với chị T. Về tài sản, công nợ của vợ chồng anh B: Chính quyền địa phương không biết vì đương sự không trình báo về vấn đề này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đặng Văn B vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn B. Về con chung: Giao cho chị T nuôi dưỡng con chung là Đặng Minh N, sinh ngày 16/10/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Văn B. Anh B biết được việc chị T xin ly hôn nhưng anh B

không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh B là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Đặng Văn B vào ngày 28/12/2022 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh B chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, anh B không quan tâm đến gia đình, không chịu làm ăn và còn mắc vào tệ nạn xã hội nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trở nên căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Minh N, sinh ngày 16/10/2014. Để ổn định việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Minh N, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Minh N, sinh ngày 16/10/2014 (*hiện nay cháu Minh N đang ở với chị T*). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Đặng Văn B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002202 ngày

01/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng